TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do -Hạnh phúc**
Số: 46/2024/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 26 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 120/2024/TLST-VHNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Thị T, sinh năm: 2001. Địa chỉ: Tổ C, khu phố B, phường P, thành phố H, Kiên Giang.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ M, khu phố B, phường P, thành phố H, Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị T và ông Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn và được UBND phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/11/2019. Trong quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Thị T và ông Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có một con chung tên Nguyễn Thị Mỹ B, giới tính nữ, sinh ngày …2018. Khi ly hôn ông bà thống nhất giao con chung cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Thị T và ông Nguyễn Văn T phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng, mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (18/7/2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Thị T và ông Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Mỹ B, giới tính nữ, sinh ngày …2018 cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí Tòa án: Bà Thị T phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 150.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002067 ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, bà T không phải nộp thêm;

Ông Nguyễn Văn T phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 150.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002068 ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, ông T không phải nộp thêm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. H;
- UBND phường P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Giang Phước Thành